

Bản án số: **04/2022/DS-ST**.

Ngày: 06/01/2022.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tám**.

+ Ông **Trần Trung Nhân**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 242/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122A/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

\* **Bị đơn:** Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Phần trình bày của nguyên đơn:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Phương T trình bày:*

- Do quen biết ngày 14/8/2020 anh có cho bà M vay 130.000.000đ, khi vay có viết biên nhận giao anh cất giữ. Mục đích vay là để bà M đáo hạn Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận thời gian vay là khoảng 10 ngày và lãi suất là 2%/ tháng, khi nào trả tiền gốc thì trả lãi. Khi vay bà M có giao cho anh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin vay vốn (là bản chính) đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 28, diện tích 613,3m<sup>2</sup> vào sổ cấp giấy số CH 01212, ngày 06/12/2016,

bà M được hưởng thừa kế, điều chỉnh trang 4 theo hồ sơ số 001212.TK001. Địa chỉ thửa đất tại Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đến ngày 24/8/2020 bà M nói giải chấp ngân hàng thiếu tiền nên hỏi mượn tiếp của anh 150.000.000đ nữa và khi anh cho bà M vay tiền, bà M cũng viết biên nhận nợ giao anh cất giữ. Hai bên cũng thỏa thuận thời gian vay là khoảng 10 ngày và lãi suất là 2%/tháng.

- Nhưng sau khi nhận tiền vay xong đến hạn bà M không trả vốn và lãi cho anh T theo thỏa thuận. Anh T có tìm gặp bà M đòi nhiều lần nhưng bà M lánh mặt kéo dài cho tới nay. Nay anh T yêu cầu bà M trả anh 280.000.000đ tiền vốn vay và tính lãi theo quy định pháp luật từ khi vay ngày 24/8/2020 đến nay. Yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

## **2. Phần trình bày của bị đơn:**

- Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị M vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của bà cũng như yêu cầu khởi kiện của anh T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của anh T; Thông báo về việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng dân sự:**

#### **- Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn anh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay với bà Lê Thị M. Bà M có địa chỉ tại Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

#### **- Xét về việc xét xử vắng mặt đương sự:**

Bà Lê Thị M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của anh T; Thông báo về việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần. Nhưng bà M vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của bà. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bà M.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

- Anh T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị M trả 280.000.000đ tiền vốn vay chứng minh bằng 2 biên nhận viết tay có nội dung: “Cộng Hòa... Biên nhận nợ- Hôm nay ngày 14/8/2020 – Tôi tên: Lê Thị M ở Ấp N, xã M, CB,TG có mượn của ông Nguyễn Phương T sinh năm: 1983, CMND 311697234 , số tiền là : Một trăm ba chục triệu đồng chẵn) 130.000.000đ, hẹn 10 ngày trả lại. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm- Ngày 14/08/2020 –Người mượn nợ -ký tên Mai-Lê Thị M- Đã nhận đủ tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu- ĐT 0362690171...”

- Và biên nhận “... Cộng hòa...Biên nhận nợ- Hôm nay ngày 24/8/2020 -Tôi tên: Lê Thị M ở Ấp N, xã M, CB,TG có mượn của ông Nguyễn Phương T sinh năm: 1983, CMND 311697234 , số tiền là: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) 150.000.000đ, hẹn 10 ngày trả lại. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm- Ngày 24/08/2020 –Người mượn nợ -ký tên -Mai- Lê Thị M- Đã nhận đủ tiền 130.000.000đ (Một trăm năm chục triệu chẵn)...”

Theo anh T khai đây là hai biên nhận mà bà M viết ký tên giao cho anh khi vay tiền của anh. Còn bị đơn bà Lê Thị M vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh T. Xem như bà M từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà trong vụ án này. Mặt khác anh T còn cung cấp cho Tòa án bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 28, diện tích 613,3m<sup>2</sup> vào sổ cấp giấy số CH 01212, ngày 06/12/2016, bà M được hưởng thừa kế, điều chỉnh trang 4 theo hồ sơ số 001212.TK001. Địa chỉ thửa đất tại Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và giấy tờ tùy thân của bà M, theo anh T khai là do bà M tự nguyện giao các loại giấy tờ này cho anh nhằm làm tin để vay tiền. Đồng thời bà M cũng có ý kiến nếu bà M không trả cho anh T thì anh T được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi thửa đất này để trừ nợ. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là phía bị đơn bà M có vay của anh T hai lần tổng cộng nợ 280.000.000đ tiền vốn vay là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M giao anh T cất giữ để làm tin vay vốn, chưa được công chứng, chứng thực thế chấp. Tại phiên tòa hôm nay anh T cũng không có yêu cầu giải quyết về việc cất giữ các loại giấy tờ này. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét đối với việc giao nhận cất giữ các loại giấy tờ này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

***- Xét yêu cầu tính lãi của anh T theo quy định pháp luật:***

Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất theo lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự. Việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự không vượt quá 20%/1 năm. Tức là 1,666%/1 tháng. Do đó Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay anh T cũng có ý kiến là yêu cầu tính lãi 280.000.000đ vào ngày cho vay sau là ngày 24/8/2020. Từ ngày 24/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2022 là 16

tháng 13 ngày. Cụ thể số tiền vốn vay 280.000.000đ X 1,666%/tháng X 16 tháng 13 ngày = 76.658.200đ.

**- Xét yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật:**

Nhận thấy khi vay tiền hai bên có thỏa thuận thời gian trả là trong thời hạn 10 ngày, nhưng sau đó đến hạn bà M không trả. Nên anh T có đòi nhiều lần nhưng bà M lánh mặt kéo dài cho đến nay cho thấy bà M đã vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu, là người có lỗi. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà M trả cho anh T toàn bộ số nợ gồm vốn vay là 280.000.000đ và lãi phát sinh 76.658.200đ. Cộng chung là 356.658.200đ một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định pháp luật.

**[3] Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T nên bị đơn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm là 5% đối với số tiền vay. Cụ thể 356.658.200đ X 5% = 17.832.900đ.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 288 và 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phương T:**

- Buộc bà Lê Thị M trả cho anh Nguyễn Phương T tổng cộng hai lần vốn vay là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 76.658.200 đồng (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm đồng). Cộng chung là 356.658.200 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm đồng).

Thời gian trả: Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà M chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2. Về án phí:**

- Bà Lê Thị M chịu 17.832.900 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo biên lai số 0000757, ngày 04/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**3. Về quyền kháng cáo:** Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**PHẠM THANH DŨNG**

*Cái Bè, ngày 06 tháng 01 năm 2022.*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi... giờ...phút, ngày 06 tháng 01 năm 2022.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tám**.

Ông **Trần Trung Nhân**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 242/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “ Hợp đồng vay ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122A/2021/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1983.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU;**

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Điều 288 và 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phương T.

- Buộc bà Lê Thị M trả cho anh Nguyễn Phương T tổng cộng hai lần vốn vay là 280.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 76.658.200đ. Cộng chung là 356.658.200đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn, hai trăm đồng chẵn)

Thời gian trả: Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà M chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

-Bà Lê Thị M chịu 17.832.900đ (Mười bảy triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, chín trăm đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng chẵn) theo biên lai số 0000757, ngày 04/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA

- THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN